

Bình Dương, ngày 22 tháng 7 năm 2019

## BÁO CÁO

### **Kết quả giám sát của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh về thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

Thực hiện Nghị quyết 08/NQ-HĐND ngày 20/7/2018 của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh về việc thành lập Đoàn giám sát của HĐND tỉnh về thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh; trên cơ sở chuẩn bị nghiêm túc kế hoạch, đề cương, xây dựng lịch giám sát và phân công nhiệm vụ cụ thể từng thành viên, Đoàn giám sát đã tổ chức giám sát bảo đảm tuân thủ đúng quy định của pháp luật và đúng phạm vi, nội dung, thời gian giám sát theo kế hoạch.

Trưởng đoàn giám sát: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Phó Chủ tịch HĐND tỉnh.

Phó Trưởng Đoàn: Ông Nguyễn Tầm Dương - Trưởng Ban Kinh tế - Ngân sách; Ông Trịnh Đức Tài - Trưởng Ban Văn hóa – Xã hội và Bà Nguyễn Trường Nhật Phụng - Phó Trưởng Ban Pháp chế HĐND tỉnh.

- Thành phần tham dự giám sát gồm: đại biểu HĐND tỉnh là thành viên Đoàn giám sát; đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (MTTQ VN) tỉnh và các cơ quan có liên quan; Báo Bình Dương, Đài Phát thanh - Truyền hình (PTTH) Bình Dương và Tổ thư ký giúp việc Đoàn giám sát.

- Nội dung giám sát: Việc thực hiện Kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh.

- Phạm vi giám sát: từ tháng 01/2016 đến 6/2018.

- Đối tượng giám sát:

+ Ủy ban nhân dân tỉnh;

+ Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư (KH-ĐT), Sở Thông tin và Truyền thông (TT-TT), Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐ-TB-XH), Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo (GD-ĐT), Sở Giao thông - vận tải (GTVT), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NNPTNT), Sở Xây dựng.

+ Ủy ban nhân dân 09 huyện, thị xã, thành phố;

+ Ủy ban nhân dân 18 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh<sup>1</sup>

- Phương thức giám sát:

---

<sup>1</sup> 18 xã, phường, thị trấn, gồm: Thị trấn Lai Uyên và xã Lai Hưng (huyện Bàu Bàng); thị trấn Phước Vĩnh và xã Vĩnh Hòa (huyện Phú Giáo); thị trấn Dầu Tiếng và xã Thanh Tuyên (huyện Dầu Tiếng); thị trấn Tân Thành và xã Tân Lập (huyện Bắc Tân Uyên); Phường Lái Thiêu và phường Bình Hòa (TX. Thuận An); phường Đông Hòa và phường Dĩ An (TX. Dĩ An); xã Phú An và phường Mỹ Phước (TX. Bến Cát); xã Hội Nghĩa và phường Uyên Hưng (TX. Tân Uyên); phường Hòa Phú và phường Phú Cường (Tp. Thủ Dầu Một).

+ Đối với cấp huyện, xã: Đoàn giám sát chia thành 03 Tổ công tác, tổ chức làm việc trực tiếp với UBND 09 huyện, thị, thành phố và 18 xã, phường, thị trấn. Trước khi làm việc trực tiếp với các địa phương, Đoàn giám sát đã tiến hành khảo sát thực tế tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của cấp huyện và cấp xã.

+ Đối với các Sở, ngành: trên cơ sở nghiên cứu báo cáo của các Sở, ngành chịu sự giám sát, Đoàn giám sát tổ chức làm việc trực tiếp với Sở Tư pháp, Sở Nội vụ và Sở TT-TT. Trước khi làm việc, Đoàn đã tiến hành khảo sát thực tế tại Trung tâm Hành chính công (HCC) của tỉnh.

+ Đối với UBND tỉnh: tổ chức làm việc trực tiếp với UBND tỉnh.

Bên cạnh đó, trên cơ sở tình hình thực tiễn và kết quả giám sát, Thường trực HĐND tỉnh đã tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp Thường trực HĐND tỉnh, theo đó, đã yêu cầu một số thành viên UBND tỉnh và các cá nhân có liên quan tham gia báo cáo giải trình các nội dung cụ thể có liên quan đến việc thực hiện kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh.

Nhìn chung, các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu sự giám sát đã chuẩn bị báo cáo, các tài liệu có liên quan, bố trí địa điểm tiếp và làm việc với Đoàn chu đáo. Nội dung báo cáo cơ bản đáp ứng được yêu cầu của đề cương. Sau giám sát, một số địa phương, sở, ngành đã báo cáo bổ sung làm rõ thêm nhiều vấn đề. Ngoài ra, trong quá trình tổ chức giám sát, Đoàn có văn bản yêu cầu một số cơ quan, đơn vị báo cáo thêm các nội dung liên quan như: Kết quả thực hiện một số chỉ số cấp tỉnh, huyện (PAR INDEX, SIPAS, PAPI, PCI, Chỉ số về ứng dụng công nghệ thông tin); một số nội dung về lĩnh vực nội vụ, tài chính công... và các cơ quan, đơn vị đã có báo cáo bổ sung theo yêu cầu.

Đoàn giám sát báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát như sau:

## **A. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

### **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

#### **1. Tình hình triển khai Kế hoạch cải cách hành chính**

Thực hiện Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011 – 2020 và Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2016–2020, UBND tỉnh Bình Dương đã triển khai toàn diện các nội dung thuộc Chương trình tổng thể và ban hành các kế hoạch để cụ thể hóa các nhiệm vụ CCHC trên địa bàn tỉnh<sup>2</sup>, tập trung vào những nội dung như: nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CB, CC, VC) trong thực thi công vụ; tăng cường trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước (HCNN) các cấp trong việc triển khai thực hiện công tác CCHC, hướng tới một nền hành chính minh bạch, hiệu quả, gắn với xây dựng “*Chính quyền thân thiện của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân*” và “*Công sở thân thiện vì nhân dân phục vụ*”; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính (TTHC), tăng cường

---

<sup>2</sup> Quyết định số 2492/QĐ-UBND ngày 23/9/2016 về việc ban hành Kế hoạch CCHC nhà nước tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 4685/KH-UBND ngày 28/12/2015 về công tác CCHC năm 2016; Kế hoạch số 4984/KH-UBND ngày 26/12/2016 về công tác CCHC năm 2017; Kế hoạch số 5923/KH-UBND ngày 26/12/2017 về công tác CCHC năm 2018.

ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động quản lý nhà nước; xây dựng chính quyền điện tử và cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4; kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của mô hình Trung tâm Hành chính công tỉnh, Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông (Bộ phận một cửa) hiện đại cấp huyện, cấp xã...

Các Sở, ban, ngành, UBND các cấp đã ban hành Kế hoạch CCHC giai đoạn 2016 - 2020 và từng năm, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cũng như đặc điểm tình hình của cơ quan, đơn vị, địa phương; đồng thời ban hành các văn bản để cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác CCHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương, góp phần tích cực thực hiện mục tiêu chung của Kế hoạch CCHC tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020.

## **2. Việc triển khai xác định và công bố Chỉ số CCHC, xác định chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan, đơn vị**

Việc triển khai, xác định chỉ số CCHC, chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan, đơn vị đã mang lại nhiều tác động tích cực, góp phần đo lường, đánh giá khách quan, công bằng kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch CCHC theo giai đoạn và hàng năm của tỉnh.

- Kết quả Chỉ số CCHC của tỉnh: Năm 2016 xếp thứ 5/63, năm 2017 xếp thứ 7/63, năm 2018 xếp thứ 15/63 tỉnh, thành phố trong cả nước.

Ở địa phương, qua 04 năm triển khai, chỉ số của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã đạt giá trị từ 67% trở lên, trong đó, điểm điều tra xã hội học đạt từ 80% trở lên.

- Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan, đơn vị (SIPAS): Năm 2017, tỉnh Bình Dương đạt 79,5%, xếp thứ 32/63; đến năm 2018 đạt 85,03%, xếp thứ 23/63 (mức hài lòng cao hơn 5,45%, kết quả xếp hạng tăng 9 bậc). Với kết quả SIPAS đạt mức trên 80%, Bình Dương cơ bản đã đạt mục tiêu Kế hoạch CCHC của Chính phủ đến năm 2020.

Nhìn chung, các Sở, ngành và chính quyền cấp huyện, cấp xã đã có nhiều nỗ lực trong thực hiện công tác, nâng cao trách nhiệm của từng bộ phận, công chức để cải thiện các chỉ số của cơ quan, đơn vị, địa phương mình; điểm số các chỉ số có nhiều tiến bộ (*Phụ lục 1*). Bên cạnh đó, UBND tỉnh quan tâm trong chỉ đạo để cải thiện các chỉ số của tỉnh hàng năm, kết quả có nhiều tiến bộ (*Phụ lục 2*).

## **3. Công tác kiểm tra**

Hàng năm, các địa phương, cơ quan đều xây dựng kế hoạch kiểm tra và tổ chức kiểm tra theo kế hoạch việc thực hiện các nhiệm vụ CCHC. Qua đó, đã phát hiện những tồn tại, hạn chế trong công tác CCHC để chấn chỉnh, khắc phục; hướng dẫn kịp thời về chuyên môn, nghiệp vụ giúp các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ CCHC, góp phần nâng cao hiệu quả công tác CCHC tại địa phương. Đồng thời, gắn việc thực hiện CCHC với công tác thi đua khen thưởng, lấy kết quả thực hiện các nhiệm vụ CCHC là căn cứ để xét thi đua khen thưởng hàng năm, tạo động lực nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức trong việc triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính.

#### **4. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính**

Từng địa phương, cơ quan đã chủ động xây dựng kế hoạch tuyên truyền cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương. Nhiều hình thức tuyên truyền đã được triển khai thực hiện hiệu quả như: phát thanh trên Đài truyền thanh, thực hiện niêm yết, cấp phát tài liệu, tổ chức hội nghị triển khai, lồng ghép vào các cuộc họp giao ban, các cuộc họp của các ban, ngành, đoàn thể... Một số địa phương có nhiều hình thức tuyên truyền sáng tạo như: xây dựng chuyên mục “góc nhìn cải cách hành chính” trong chương trình của Đài Truyền thanh (huyện Bắc Tân Uyên)<sup>3</sup>; tổ chức Hội thi “Tuyên truyền pháp luật về CCHC” (thị xã Bến Cát); xây dựng chuyên mục tuyên truyền về CCHC và pháp luật trên Trang thông tin điện tử xã (xã Phú An: phuanbinhduong.gov.vn); tổ chức đối thoại trực tiếp giữa Chủ tịch UBND và người dân với chuyên đề về CCHC (UBND phường Mỹ Phước)<sup>4</sup>; lãnh đạo phường Bình Hòa đến khu nhà trọ để tuyên truyền pháp luật, TTHC... Thông qua công tác tuyên truyền, đã giúp CB, CC, VC, người dân và doanh nghiệp nhận thức được mục đích, ý nghĩa, nội dung, giải pháp của Chương trình tổng thể CCHC, đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm, những cách làm hay trong công tác CCHC để nhân rộng, phổ biến trong toàn tỉnh.

### **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC**

#### **1. Cải cách thể chế**

Công tác xây dựng và ban hành văn bản của HĐND, UBND các địa phương ngày càng đi vào nề nếp, chất lượng được chú trọng, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước. Quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, đảm bảo trình tự, thủ tục, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định của pháp luật, chất lượng văn bản được nâng cao<sup>5</sup>.

Công tác theo dõi thi hành pháp luật; công tác kiểm tra, rà soát VB QPPL được các cấp, các ngành thực hiện theo kế hoạch hàng năm. Sở Tư pháp đã tổ chức rà soát các văn bản liên quan đến Luật Ban hành VBQPPL, phí và lệ phí, VBQPPL có quy định TTHC (777 văn bản); rà soát Chỉ thị và VBQPPL có quy định TTHC do UBND các cấp trên địa bàn tỉnh ban hành (165 văn bản); rà soát VBQPPL do HĐND và UBND tỉnh ban hành về các nội dung: phí và lệ phí (96 văn bản), đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài, nhà ở xã hội, nhà ở cho người có công và nhà ở cho vùng thường xuyên bị thiên tai (105 văn bản); rà soát các VBQPPL liên quan đến việc tiếp cận đất đai của người dân và doanh nghiệp để thực hiện các dự án đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh (07 văn bản). Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với các sở, ngành rà soát các văn bản quy định về chế độ, chính sách do

<sup>3</sup> Từ năm 2016 – 2018, Đài Truyền thanh huyện Bắc Tân Uyên đã biên tập được 75 bài giới thiệu về cải cách hành chính trong mục “Góc nhìn cải cách hành chính”; phát thanh 261 tin về cải cách hành chính và giới thiệu nhiều văn bản, chính sách mới trong Chương trình thời sự phát thanh hàng ngày.

<sup>4</sup> Tại Hội nghị đã có 19 lượt ý kiến gồm 26 nội dung liên quan đến các vấn đề như: tinh giản biên chế; thủ tục đăng ký khai sinh và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 06 tuổi; thủ tục hành chính về đất đai, chứng thực hợp đồng liên quan đến bất động sản; tác phong công vụ của cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách và nhân viên hợp đồng.

<sup>5</sup> Tỉnh đã ban hành 155 VBQPPL (năm 2016: 28 Nghị quyết, 65 Quyết định; năm 2017: 13 Nghị quyết, 32 Quyết định; 6 tháng đầu năm 2018: 17 Quyết định).

UBND tỉnh ban hành từ năm 1999 đến tháng 6/2018. Qua rà soát, UBND tỉnh đã chỉ đạo bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế những văn bản không còn phù hợp.

- UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện hệ thống hóa VBQPPL kỳ 2014 - 2018 trên địa bàn tỉnh; đến nay, UBND tỉnh đã công khai kết quả hệ thống hóa VBQPPL kỳ 2014 - 2018<sup>6</sup>.

## **2. Công tác cải cách TTHC**

### **a) Công khai TTHC**

100% TTHC sau khi công bố đều được cập nhật, đăng tải công khai vào cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; đồng thời đăng tải trên Trang thông tin HCC tỉnh, Trang/Cổng thông tin điện tử của sở, ngành, địa phương; niêm yết công khai tại Bộ phận một cửa của 20/20 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, 9/9 đơn vị hành chính cấp huyện và 91/91 đơn vị hành chính cấp xã, tạo điều kiện cho cá nhân, tổ chức thuận tiện trong thực hiện TTHC.

Việc niêm yết, công khai, minh bạch các TTHC đã được các cơ quan nghiêm túc thực hiện, đảm bảo đúng quy định; các loại biểu mẫu, giấy tờ để tiến hành các TTHC được cấp phát đầy đủ và miễn phí. Một số địa phương còn có cách làm sáng tạo nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi tìm hiểu, thực hiện các TTHC, như: xây dựng Trang thông tin điện tử của UBND xã cập nhật các thông tin, hoạt động, các TTHC thuộc thẩm quyền cấp xã, liên thông với Trang thông tin HCC của tỉnh (xã Phú An); bố trí cán bộ hướng dẫn, cán bộ tư vấn pháp lý về trình tự thủ tục giải quyết, giải thích quy định của pháp luật trước khi vào nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả (huyện Phú Giáo); xây dựng bộ hồ sơ mẫu theo từng loại TTHC, trong đó các biểu mẫu, giấy tờ được điền thông tin cụ thể, rõ ràng để hướng dẫn người dân cách điền thông tin vào hồ sơ của mình, tránh sai sót phải viết lại nhiều lần.

### **b) Kiểm soát TTHC**

Hàng năm, các cấp, các ngành đều ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ trọng tâm, phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của ngành, địa phương. UBND tỉnh tập trung rà soát, công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương theo quy định. Tổng số TTHC trên địa bàn tỉnh được công bố là 2.123 thủ tục (trong đó, cấp tỉnh: 1.663 thủ tục; cấp huyện: 299 thủ tục; cấp xã: 130 thủ tục; đơn vị khác: 31 thủ tục).

### **c) Công tác đơn giản hóa TTHC**

---

<sup>6</sup> VBQPPL của HĐND, UBND tỉnh ban hành, còn hiệu lực: 466 văn bản, gồm: 114 Nghị quyết, 342 Quyết định, 10 Chỉ thị;

VBQPPL của HĐND, UBND tỉnh ban hành, hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ: 496 văn bản, gồm 81 Nghị quyết, 315 Quyết định, 100 Chỉ thị;

VBQPPL của HĐND, UBND tỉnh ban hành, hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần: 34 văn bản, gồm: 05 Nghị quyết, 29 Quyết định;

VBQPPL của HĐND, UBND tỉnh ban hành, cần đình chỉ việc thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới trong kỳ hệ thống hóa 2014 - 2018: 90 văn bản, gồm: 17 Nghị quyết, 72 Quyết định, 01 Chỉ thị.

Hàng năm, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch và tổ chức rà soát, đánh giá TTHC trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền. Trên cơ sở đó, các Sở, ngành rà soát, đánh giá các TTHC đã được công bố của Bộ, UBND tỉnh và các VBQPPL để kịp thời kiến nghị cấp thẩm quyền hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các TTHC không còn phù hợp; rút ngắn thời gian xử lý và giảm các loại giấy tờ liên quan. Qua rà soát, UBND tỉnh đã quyết định thông qua phương án đơn giản hóa TTHC và đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền đơn giản hóa 52 TTHC<sup>7</sup> (Phụ lục 3).

Đối với TTHC thẩm quyền cấp huyện, qua rà soát, các địa phương đã đề nghị rút ngắn thời gian giải quyết từ 01 đến 10 ngày làm việc đối với một số TTHC<sup>8</sup>. Đối với TTHC thuộc thẩm quyền cấp xã: đã đơn giản hóa thành phần hồ sơ đối với TTHC về khen thưởng; rút ngắn thời gian đối với TTHC xác nhận tình trạng bất động sản, tình trạng hôn nhân, một số hồ sơ ít phức tạp thì thực hiện trả kết quả ngay trong ngày hoặc trong buổi làm việc<sup>9</sup>.

Ngoài ra, các địa phương còn áp dụng hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2008 trong giải quyết TTHC để kiểm soát quy trình, thời gian giải quyết TTHC; tăng cường ứng dụng CNTT thông qua các phần mềm một cửa điện tử, phần mềm chuyên ngành, phần mềm quản lý văn bản, chữ ký điện tử... nhằm giảm thời gian luân chuyển văn bản giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Qua rà soát, đã kịp thời phát hiện sửa đổi và kiến nghị bãi bỏ những quy định, TTHC không cần thiết, không phù hợp, chồng chéo, bảo đảm đơn giản hóa các quy định, TTHC, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

#### d) Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC

Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC được quan tâm thực hiện thông qua nhiều kênh tiếp nhận như: niêm yết công khai số điện thoại của lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương; công bố số điện thoại đường dây nóng; bố trí hộp thư góp ý ngay tại Bộ phận một cửa; công khai hộp thư điện tử tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của người dân, tổ chức trên website của cơ quan, đơn vị ...

Từ năm 2016 đến năm 2018, 100% phản ánh, kiến nghị đã được xử lý kịp thời, kết quả được đăng trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các phương tiện thông tin đại chúng.

#### đ) Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

---

<sup>7</sup> Quyết định 2429/QĐ-UBND ngày 15/9/2016; Quyết định 2450/QĐ-UBND ngày 14/9/2017, Quyết định 1884/QĐ-UBND ngày 14/7/2018, Quyết định 2409/QĐ-UBND ngày 27/8/2018

<sup>8</sup> Tp. Thủ Dầu Một: rút ngắn thời gian từ 30 ngày còn 20 ngày đối với 04 thủ tục: chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội; công nhận Ban vận động thành lập Hội; phê duyệt điều lệ Hội; thành lập Hội. Rút ngắn từ 15 ngày còn 10 ngày đối với các thủ tục: cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh rượu, thuốc lá; từ 10 ngày còn 08 ngày đối với thủ tục đăng ký kết hôn đối với người nước ngoài; giảm thời gian thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, liên thông cấp mã số thuế từ 06 ngày còn 03 ngày; kiến nghị sở TN-MT về việc giảm quy trình trong xác nhận hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường khi có nhu cầu tách thửa nhằm giảm phiền hà cho người dân và rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục. Thị xã Thuận An: quy trình xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình cá nhân đã thực hiện rút ngắn từ 5 ngày xuống 1 ngày

<sup>9</sup> UBND xã Phú An rút ngắn thời gian từ 05 ngày còn 03 ngày đối với thủ tục đăng ký khai sinh lưu động, từ 10 ngày còn 08 ngày đối với thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất; UBND phường Mỹ Phước rút ngắn thời gian từ 02 ngày còn giải quyết trong ngày đối với thủ tục liên quan đến chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở...

Cơ chế một cửa, một cửa liên thông được tỉnh triển khai đồng bộ theo quy định. Trung tâm HCC cấp tỉnh, Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã được kiện toàn, mở rộng, nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết TTHC, đặc biệt là việc thí điểm thành lập và đưa vào vận hành Trung tâm Phục vụ Hành chính công thành phố Thủ Dầu Một, bước đầu mang lại hiệu quả tích cực, được người dân, doanh nghiệp đánh giá cao.

Nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương đã chủ động thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, gồm: TTHC bắt buộc theo quy định của Chính phủ; TTHC không bắt buộc hoặc khuyến khích thực hiện. Tính đến năm 2018, số lượng TTHC có tính chất liên thông ngang, liên thông dọc trên địa bàn tỉnh là 339 thủ tục. Trong đó:

- Số lượng TTHC cấp tỉnh có tính chất liên thông ngang, liên thông dọc là 255 thủ tục; số lượng TTHC cấp huyện có tính chất liên thông là 68 thủ tục; số lượng TTHC cấp xã có tính chất liên thông là 16 thủ tục;

- Số lượng TTHC các cấp có tính chất liên thông ngang là 182 thủ tục; liên thông dọc là 99 thủ tục; liên thông ngang - dọc là 58 thủ tục.

Việc đầu tư sửa chữa, nâng cấp trụ sở Bộ phận một cửa các cấp được quan tâm thực hiện. Trung tâm HCC tỉnh được đầu tư đồng bộ, hiện đại về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phần mềm...; 9/9 đơn vị hành chính cấp huyện đều tổ chức Bộ phận một cửa hiện đại; Bộ phận một cửa cấp xã đang được triển khai để đạt chuẩn hiện đại.

Việc triển khai, áp dụng các phần mềm tác nghiệp phục vụ CCHC được tỉnh quan tâm đầu tư. 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, 8/9 đơn vị hành chính cấp huyện đã đưa vào sử dụng phần mềm một cửa điện tử phiên bản tập trung (trừ UBND huyện Phú Giáo). Phần mềm đánh giá cán bộ, công chức được xây dựng trên cơ sở phù hợp với nội dung, yêu cầu trong thực hiện đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan HCNN do Bộ Nội vụ ban hành; sau khi giao dịch TTHC, người dân, tổ chức có thể tham gia đánh giá mức độ hài lòng đối với công chức tiếp nhận TTHC; kết quả tỷ lệ hài lòng của người dân qua đánh giá đạt từ 80% trở lên.

#### e) Thực hiện TTHC qua dịch vụ Bưu chính công ích (BCCI)

UBND tỉnh đã ban hành các văn bản để thực hiện Kế hoạch triển khai dịch vụ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bưu điện giai đoạn 2017-2020<sup>10</sup>. Hiện tại, Bình Dương đã thực hiện 91 TTHC qua dịch vụ BCCI tại 71 điểm Bưu cục trên toàn tỉnh (cấp tỉnh 79 thủ tục, cấp huyện 11 thủ tục, cấp xã 01 thủ tục).

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

HĐND, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành các VBQPPL quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức các cơ quan chuyên môn ở cấp tỉnh, cấp huyện và định biên số người làm việc ở cấp xã.

---

<sup>10</sup> Quyết định 1127/QĐ-UBND ngày 05/5/2017 về công bố TTHC thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh; Quyết định 1593/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 ban hành Kế hoạch triển khai dịch vụ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bưu điện giai đoạn 2017-2020.

UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện tốt những nội dung sau đây:

- Chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tổ chức rà soát chức năng, nhiệm vụ và kiện toàn lại cơ cấu tổ chức, bộ máy cho phù hợp theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, không chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; bảo đảm tính tự chủ trong tổ chức và hoạt động của bộ máy hành chính các cấp; đồng thời ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh theo hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương đối với 08 Sở và cơ quan ngang Sở<sup>11</sup>. UBND cấp huyện ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy và hoạt động của 12 cơ quan chuyên môn cấp huyện<sup>12</sup>.

- Phê duyệt Đề án tinh giản biên chế giai đoạn 2015-2021<sup>13</sup>. Tính đến nay, các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh đã thực hiện tinh giản 829 trường hợp. Đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố đã xây dựng Đề án tinh giản biên chế của địa phương và triển khai thực hiện theo lộ trình<sup>14</sup>.

- Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch 43-KH/TU ngày 12/02/2018 và Quyết định 711-QĐ/TU ngày 11/5/2018 của Tỉnh ủy phê duyệt Đề án sắp xếp tổ chức Bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Bình Dương tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đến cuối năm 2018, tất cả các sở, ngành thuộc UBND tỉnh đã xây dựng đề án sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn hiệu lực, hiệu quả. Theo đó, duy trì 18 sở và tương đương; cơ cấu tổ chức bên trong phải thực hiện rà soát giảm 1-2 phòng hiện có của mỗi sở/chi cục. Đến nay, có 08 Sở, ngành<sup>15</sup> đã trình UBND tỉnh quyết định sắp xếp theo Đề án đã được phê duyệt. Đối với cấp huyện, thị xã Thuận An được chọn làm thí điểm sắp xếp tinh gọn đội ngũ cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách tại phường Lái Thiêu. Bên cạnh đó, các địa phương đã nghiêm túc xây dựng Đề án, kế hoạch triển khai việc sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với việc tinh giản biên chế. Đến nay, phường Lái Thiêu đã hoàn thành việc thực hiện thí điểm, các địa phương còn lại đang thực hiện kế hoạch, đề án đã được ban hành.

- Ban hành Kế hoạch số 4651/KH-UBND ngày 02/10/2018 về sắp xếp, đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) giai đoạn 2018-2021.

---

<sup>11</sup> Thanh tra tỉnh; Ban Quản lý các KCN Bình Dương; Sở VH-TT-DL; Sở GTVT; Văn phòng UBND tỉnh; Sở Xây dựng; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Ban Quản lý KCN Việt Nam - Singapore.

<sup>12</sup> 12 cơ quan chuyên môn cấp huyện: Phòng Nội vụ; Tư pháp; Tài chính - Kế hoạch; Kinh tế; Quản lý đô thị; Tài nguyên- Môi trường; LĐ-TB-XH; Văn hóa và Thông tin; Y tế; GD-ĐT; Thanh tra và Văn phòng HĐND - UBND.

<sup>13</sup> Quyết định 2409/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của UBND tỉnh: Tổng chỉ tiêu biên chế tinh giản trong các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh đến năm 2021 là 3.585 biên chế, đạt 10,79%; thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập sẽ tinh giản được thêm 1.310 biên chế, đạt tỷ lệ 4,83% so với số biên chế của đơn vị sự nghiệp giao năm 2015.

<sup>14</sup> Số lượng cán bộ, công chức đã tinh giản ở các địa phương: Tp. Thủ Dầu Một: cấp huyện: 05 trường hợp, cấp xã: 04 trường hợp; Tx. Thuận An: cấp huyện và xã: 164 trường hợp, khu phố: 36 trường hợp; Tx. Dĩ An: cấp huyện: 09 trường hợp và cấp xã: 10 trường hợp; Tx. Bến Cát: cấp huyện: 10 trường hợp, cấp xã: 03 trường hợp; Tx. Tân Uyên: cấp huyện: 14 trường hợp, cấp xã: 12 trường hợp; huyện Dầu Tiếng: 252 trường hợp; huyện Phú Giáo: 103 trường hợp; huyện Bắc Tân Uyên: 12 trường hợp; huyện Bàu Bàng: 22 trường hợp.

<sup>15</sup> Các Sở Công Thương, Nội vụ, Tư pháp, KH-CN, NN PTNT, Ngoại vụ, LĐ-TB-XH, Thanh tra tỉnh.



Toàn tỉnh hiện có 525 đơn vị SNCL, trong đó tuyển tỉnh là 109 đơn vị, tuyển huyện là 416 đơn vị (chủ yếu là các đơn vị trường học). Ở tuyển tỉnh, có 21 đơn vị tự chủ tài chính<sup>16</sup> và 88 đơn vị chưa tự chủ tài chính<sup>17</sup>; đối với tuyển huyện tất cả các đơn vị còn do ngân sách đảm bảo một phần hoặc toàn bộ chi thường xuyên.

Theo Kế hoạch, hệ thống đơn vị sự nghiệp sẽ được sắp xếp, kiện toàn theo hướng giảm đầu mối và cắt giảm 10% biên chế theo lộ trình thực hiện Nghị quyết 39-NQ/TW từ nay đến năm 2021; đồng thời, đẩy mạnh chuyển sang cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị có nguồn thu. Đến nay, đã thực hiện giải thể một số đơn vị do hoạt động không còn phù hợp và hiệu quả<sup>18</sup>; hợp nhất, sáp nhập một số đơn vị thu gọn đầu mối<sup>19</sup> và chuyển sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo loại hình đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên đối với 13 đơn vị<sup>20</sup>.

#### **4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**

##### **a) Công tác cán bộ**

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định 2614/QĐ-UBND ngày 02/10/2017 về kế hoạch triển khai Đề án thí điểm đổi mới cách tuyển chọn lãnh đạo, quản lý trên địa bàn tỉnh. Theo đó, tỉnh thực hiện thí điểm thi tuyển trong cơ quan hành chính đối với các chức danh lãnh đạo cấp sở, cấp phòng thuộc các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện. Đến nay, tỉnh đã tổ chức thi tuyển 03 chức danh Phó Giám đốc Sở (Xây dựng, GD-ĐT, VH-TT-DL) và 17 vị trí lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố; trong đó các địa phương đã triển khai thực hiện Đề án thí điểm đổi mới cách tuyển chọn lãnh đạo, quản lý và bổ nhiệm các chức danh cho 08 trường hợp<sup>21</sup>.

Công tác quy hoạch CB, CC, VC tiếp tục được các cấp quan tâm gắn với việc quy hoạch cán bộ giai đoạn 5 năm, bảo đảm tính chủ động, đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài. Hàng năm, thực hiện điều chỉnh, bổ sung quy hoạch kịp thời.

Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, đánh giá khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức được thực hiện đúng quy định. Hằng năm đều rà soát, cử cán bộ, công chức tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý nhà nước... Nhìn chung, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức đã từng bước được nâng lên, đáp ứng chuẩn quy định và có trình độ chuyên môn, năng lực thực thi nhiệm vụ, công vụ.

<sup>16</sup> Trong đó, 07 đơn vị tự đảm bảo chi đầu tư và chi thường xuyên, 13 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên.

<sup>17</sup> Trong đó, 67 đơn vị do ngân sách đảm bảo một phần và 21 đơn vị do ngân sách đảm bảo chi thường xuyên.

<sup>18</sup> Giải thể: Hãng Phim truyền hình, Xi nghiệp Công trình đô thị thị xã Thuận An;

<sup>19</sup> Hợp nhất, thu gọn đầu mối các phòng thuộc Đài PTTH; hợp nhất: 03 đơn vị sự nghiệp y tế tuyển huyện (BVĐK, TTYT và Trung tâm Dân số - KHH gia đình) thành Trung tâm Y tế tuyển huyện trực thuộc Sở Y tế; Trường TCN Việt - Hàn và TCN Bình Dương thành Trường TCN Việt - Hàn (nay là Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc); sát nhập Trung tâm GDTX-KTHN cấp huyện với TT Dạy nghề cấp huyện thành TT Giáo dục nghề nghiệp - GDTX thuộc UBND cấp huyện; TT Hợp tác và Giao lưu văn hóa Việt - Hàn vào TT Dịch vụ đối ngoại; hợp nhất 03 Trung tâm Y tế tuyển tỉnh (TTYT dự phòng, TT phòng, chống bệnh xã hội và TTTT giáo dục sức khỏe).

<sup>20</sup> Đài PTTH Bình Dương, Viện Quy hoạch phát triển đô thị, BQL dự án đầu tư xây dựng, 02 Phòng Công chứng, TT Bán đấu giá tài sản, TT Đào tạo - sát hạch lái xe, TT Quan trắc kỹ thuật TNMT, Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn ĐLCL, TT Ứng dụng tiến bộ KH-CN, Trung tâm Giám định y khoa, VP Đăng ký đất đai, TT Phát triển quỹ đất.

<sup>21</sup> Huyện Dầu Tiếng: 02 chức danh (Phó Phòng Nội vụ và Phó Chánh Văn phòng HĐND-UBND); TX Dĩ An: 04 chức danh (Trưởng phòng TN-MT, Phó Chánh thanh tra, Phó Phòng GD-ĐT và Phó Phòng Kinh tế); Tp Thủ Dầu Một: 01 chức danh (Phó Phòng GD-ĐT); Tx Thuận An: 01 chức danh (Trưởng phòng Quản lý đô thị); Tx Tân Uyên: 01 chức danh (Chánh Văn phòng HĐND - UBND); huyện Phú Giáo: 01 chức danh (Trưởng phòng VH-TT)

## b) Công tác đào tạo, bồi dưỡng

UBND tỉnh đã ban hành các văn bản<sup>22</sup> triển khai thực hiện Chương trình hành động 20-CTr/TU ngày 09/8/2016 của Tỉnh ủy Bình Dương, tập trung một số nhiệm vụ trọng tâm như: nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề; đào tạo, bồi dưỡng CB, CC, VC và đại biểu HĐND các cấp; đào tạo và đào tạo theo địa chỉ sử dụng, thu hút sinh viên y khoa tốt nghiệp ra trường về tỉnh công tác; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên các bậc học; đảm bảo nguồn nhân lực ngành GD-ĐT giai đoạn 2016-2021; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã giai đoạn 2017-2020.

Từ năm 2016 đến nay, tỉnh đã cử 19.568 lượt cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng trong nước và 282 lượt CB, CC, VC đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài. Bao gồm: cử đi đào tạo đại học, sau đại học thuộc các lĩnh vực sự nghiệp y tế, GD-ĐT và dạy nghề; bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã theo Đề án 1956<sup>23</sup>; tổ chức các lớp bồi dưỡng kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cho cán bộ, công chức một cửa cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã; bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, kiến thức quốc phòng, an ninh...

Nhìn chung, việc triển khai thực hiện tốt các chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, phát triển nguồn nhân lực đã giúp tỉnh đào tạo, bồi dưỡng bổ sung được những CB, CC, VC có đủ trình độ, năng lực để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

## 5. Cải cách tài chính công

UBND tỉnh đã kịp thời triển khai thực hiện đầy đủ các Luật, Nghị định và các văn bản hướng dẫn trong lĩnh vực tài chính - ngân sách, đầu tư công, quản lý tài sản công và các văn bản hướng dẫn trong quy trình ngân sách. Kịp thời cụ thể hóa các quy định của Trung ương giao thẩm quyền cho địa phương bằng cách tự mình ban hành theo thẩm quyền hoặc trình HĐND tỉnh quyết định; bên cạnh đó, trình HĐND tỉnh quyết định nhiều chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phù hợp với điều kiện ngân sách địa phương.

Hàng năm, UBND tỉnh đều thực hiện công khai dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh của năm kế hoạch trên Trang thông tin điện tử của tỉnh và của Sở Tài chính.

Quy trình ngân sách được UBND cấp huyện, cấp xã và các đơn vị dự toán tuân thủ tốt. Các khâu lập, thực hiện và quyết toán ngân sách đảm bảo chặt chẽ, tuân thủ các quy định về nội dung, biểu mẫu và tiến độ. Đã triển khai thực hiện chế độ kiểm soát cam kết chi và cập nhật thông tin vào hệ thống TABMIS (hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc) mang lại hiệu quả bước đầu.

UBND tỉnh đã triển khai thực hiện hiệu quả chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà

<sup>22</sup> Quyết định số 3247/QĐ-UBND ngày 24/11/2016; Quyết định số 615/QĐ-UBND ngày 14/3/2017; Quyết định số 2927/QĐ-UBND ngày 24/10/2017.

<sup>23</sup> Bao gồm các chức danh: Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ, Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, công chức Văn phòng - Thống kê, LĐ-TB-XH, Tư pháp - Hộ tịch, Trưởng Công an, Chỉ huy trưởng Quân sự; bồi dưỡng tin học cho cán bộ chuyên trách, công chức và người hoạt động không chuyên trách.

nước; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; cơ chế tự chủ của tổ chức KH-CN công lập. Toàn tỉnh hiện có 835 đơn vị thực hiện khoán chi<sup>24</sup>. Việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước về cơ bản đã ổn định và phát huy hiệu quả; các đơn vị đều ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và hầu hết đều tiết kiệm được kinh phí để tăng thu nhập cho CBCCVC và người lao động.

Công tác xã hội hóa (XHH) trong lĩnh vực giáo dục và y tế đạt nhiều kết quả. Đối với lĩnh vực giáo dục phổ thông, tính đến hết năm 2017 đã có 219 trường ngoài công lập, chiếm 36,9% tổng số trường trên địa bàn tỉnh; giáo dục đại học có 3/8 trường đại học ngoài công lập, chiếm 37,5% và có 55/76 cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập, chiếm 72,4%. Đối với lĩnh vực y tế có 05 đề án liên doanh, liên kết thực hiện các hoạt động lắp đặt máy y tế và đầu tư khu khám bệnh theo yêu cầu. Tổng kinh phí miễn giảm tiền thuê đất cho các dự án xã hội hóa tính đến tháng 7/2017 là 684 tỷ đồng.

Công tác cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (DNNN) được UBND tỉnh thực hiện theo đúng tinh thần chỉ đạo của Chính phủ và Bộ, ngành Trung ương về quy trình và tiến độ. Đến nay đã hoàn thành cổ phần hóa 02 Tổng công ty và 04 công ty<sup>25</sup>. UBND tỉnh cũng đã chỉ đạo việc thoái vốn của DNNN đầu tư vào các doanh nghiệp khác với giá trị thoái vốn cao hơn giá trị sổ sách.

Nhờ duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nên tỉnh cũng huy động ổn định được nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh vào ngân sách, đảm bảo hỗ trợ ngân sách trung ương và có nguồn đầu tư phát triển và chi thường xuyên cho tỉnh. Quy mô nguồn thu từ sản xuất kinh doanh trong nước tăng 2,1 lần so với năm 2012, tốc độ tăng trưởng trong suốt giai đoạn này đạt 13,7%, cao hơn tăng trưởng GDP trong cùng thời kỳ. Xét về cơ cấu, tỷ lệ số thu từ các sắc thuế<sup>26</sup> chiếm bình quân khoảng 80% tổng số thu, nếu tính cả phí, lệ phí thì chiếm khoảng 85% tổng thu; các khoản thu về đất chiếm khoảng 10%. Kết quả này cho thấy cơ cấu thu của Bình Dương khá vững chắc, không phụ thuộc vào các khoản thu từ đất đai. Kết quả thu nội địa đạt mức tăng trưởng khá đã tác động đến số thu cân đối của tỉnh (bao gồm cả số thu xổ số kiến thiết)<sup>27</sup> tăng trưởng bình quân 19%, trong đó thu từ nguồn thu hưởng 100% và thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm chiếm khoảng 70%, nguồn xổ số kiến thiết chiếm 5-6% tổng chi cân đối.

Công tác quản lý thu được tăng cường và cải cách TTHC về thuế, kho bạc được thực hiện khá tốt, rút ngắn thời gian hoàn thành kê khai và nộp thuế, góp phần cải thiện môi trường đầu tư sản xuất kinh doanh của tỉnh. Việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT và áp dụng biện pháp quản lý thuế trên cơ sở minh bạch thông tin và

---

<sup>24</sup> Số đơn vị thực hiện chế độ khoán chi theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP: 310 đơn vị, trong đó cấp tỉnh: 57 đơn vị (có 8 đơn vị khối đảng), cấp huyện: 253 đơn vị (có 91 đơn vị cấp xã); số đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP và Nghị định 16/2015/NĐ-CP: 525 đơn vị (04 đơn vị sự nghiệp công lập KHCN), trong đó cấp tỉnh: 110 đơn vị, cấp huyện: 415 đơn vị.

<sup>25</sup> 02 Tổng công ty (Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp, Tổng công ty Thương mại XNK Thanh Lễ) và 04 công ty (Công ty CP Cao su Bình Dương, Công ty CP Nước Môi trường Bình Dương, Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương, Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương).

<sup>26</sup> Bao gồm: Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, v.v...

<sup>27</sup> Trước năm 2016, nguồn thu xổ số kiến thiết chi đưa vào quản lý qua ngân sách, tuy nhiên từ năm ngân sách 2017 số thu này đưa vào nguồn thu cân đối ngân sách.

rủi ro, hỗ trợ người nộp thuế không những giúp tăng cường hiệu suất và hiệu quả quản lý thuế để tối đa hóa huy động thu, mà còn góp phần đảm bảo tuân thủ tự nguyện ngày càng tăng và chi phí tuân thủ giảm.

Tổng chi ngân sách địa phương đạt mức tăng trưởng bình quân 12,3%/năm giai đoạn 2015-2017, với quy mô tăng 1,6 lần so với năm 2012. Chi đầu tư xây dựng cơ bản (XDCB) được bố trí tập trung các lĩnh vực hỗ trợ tăng trưởng như giao thông và phát triển con người (y tế, giáo dục), chiếm khoảng 50% tổng chi đầu tư phát triển. Tính bình quân chung, tỉnh dành khoảng 20-25% tổng vốn đầu tư xây dựng cho ngành giao thông; dành toàn bộ số thu từ xổ số kiến thiết cho ngành giáo dục và y tế (trên 20% tổng chi cho giáo dục, khoảng 10% tổng chi cho y tế).

Đối với chi thường xuyên, chi tiêu công cho phát triển con người được ưu tiên, trong đó cho giáo dục, dạy nghề và y tế chiếm tỷ trọng lớn, khoảng 50%. Cụ thể, giai đoạn 2017 – 2019 bố trí chi giáo dục – đào tạo và dạy nghề chiếm tỷ trọng bình quân 37,5% chi thường xuyên và chiếm tỷ trọng bình quân 21,1% tổng chi ngân sách địa phương. Nếu tính luôn chi đầu tư thì lĩnh vực giáo dục, dạy nghề chiếm khoảng 20% -25% so với tổng chi – đáp ứng yêu cầu đảm bảo chi cho giáo dục trên 20% so với tổng chi ngân sách. Quy mô chi thường xuyên cho giáo dục, dạy nghề đã tăng gấp 2,8 lần trong vòng 5 năm và tăng bình quân 21%/năm trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2017. Ngoài ngành giáo dục, chi cho lĩnh vực y tế bình quân khoảng 8-10% và chi cho quản lý hành chính nhà nước khoảng 20% với mức tăng trưởng bình quân khoảng 20%/năm - một trong những nguyên nhân chính là tăng mức lương cơ sở.

Đối với UBND cấp huyện và cấp xã, đảm bảo tuân thủ dự toán ngân sách đã được HĐND cùng cấp quyết định; tổ chức tốt việc thu ngân sách, đảm bảo các giải pháp tăng cường quản lý thu thuế, quản lý nợ và thu hồi nợ đọng; điều hành, quản lý chi ngân sách chặt chẽ, hiệu quả. UBND cấp huyện đã triển khai thực hiện công tác cải cách tài chính công tập trung vào các nội dung như: triển khai cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo các Nghị định của Chính phủ<sup>28</sup>; đẩy mạnh việc phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi giữa các cấp chính quyền địa phương; hoàn thiện các chế độ, định mức phân bổ, định mức chi tiêu; tăng cường công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách; ứng dụng CNTT vào lĩnh vực quản lý tài chính, ngân sách ở các cấp... Đối với cấp xã, hàng năm có xây dựng quy chế tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công và thực hiện chi tiêu tại các cơ quan đơn vị hành chính gắn với thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng; đồng thời, thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch về tài chính theo quy định.

## **6. Hiện đại hóa nền hành chính**

### **a) Ứng dụng CNTT**

*\* Việc ứng dụng CNTT trong quy trình xử lý công việc của cơ quan hành chính nhà nước*

---

<sup>28</sup> Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan HCNN; Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020; tập trung hoàn thiện và tăng cường ứng dụng CNTT trong quy trình xử lý công việc của từng cơ quan hành chính, giữa cơ quan hành chính nhà nước với nhau và trong giao dịch với tổ chức, cá nhân.

Từ năm 2017, UBND tỉnh đã ban hành Quy chế quản lý và sử dụng chứng thư số chuyên dùng trong các cơ quan nhà nước tỉnh. Đến nay, đã cấp hơn 900 chứng thư số; cấp hơn 100 chữ ký số cơ quan, đơn vị và chữ ký số thiết bị cho các cơ quan, đơn vị nhà nước trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, triển khai cung cấp các ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong giao dịch điện tử, dịch vụ công trực tuyến đối với các cơ quan Thuế, BHXH, Kho bạc nhà nước tỉnh. Tỉnh đã ban hành Khung kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh phiên bản 1.0; hoàn thành, đưa vào khai thác, vận hành dự án “Đầu tư trang thiết bị hội nghị truyền hình trực tuyến giữa cấp tỉnh và cấp huyện”; ban hành Quy chế quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến trong các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Dương.

100% cơ quan hành chính cấp tỉnh, UBND cấp huyện đã có cổng/trang thông tin điện tử và không ngừng hoàn thiện, nâng cao chất lượng nội dung, hình thức giao diện của cổng/trang thông tin điện tử để công bố công khai thông tin hoạt động ngành, VB QPPL, các dịch vụ công... cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

#### *\* Dịch vụ công trực tuyến*

UBND tỉnh đã ban hành danh mục TTHC triển khai trực tuyến mức độ 3 và 4; đề ra lộ trình tổ chức thực hiện theo từng năm. Tính đến thời điểm hiện nay, trên cổng dịch vụ công của tỉnh hiện có 30129 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 17 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trực tuyến; số lượng hồ sơ phát sinh là 15.511 mức độ 3 và 963 hồ sơ mức độ 4 đã nộp và được giải quyết trực tuyến (bao gồm các hồ sơ trực tuyến được nộp trên trang <http://dichvucong.binhduong.gov.vn> và các trang web của các Bộ, ngành được triển khai trên địa bàn tỉnh Bình Dương). Đa số hồ sơ phát sinh đã nộp và được giải quyết trực tuyến chủ yếu trên các trang/hệ thống thông tin của Bộ, ngành được triển khai trên địa bàn tỉnh.

#### *\* Tình hình sử dụng phần mềm quản lý văn bản, thư công vụ, chứng thư số*

Tỉnh đã cấp hơn 6000 hộp thư công vụ đạt dung lượng trên 5GB/hộp thư; tỷ lệ cán bộ công chức sử dụng thường xuyên đạt khoảng 95%.

100% cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản từ cấp tỉnh đến cấp xã; trực liên thông văn bản được đầu tư nâng cấp, đảm bảo điều kiện kết nối liên thông văn bản đến 4 cấp. Ngoài ra, các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh đang triển khai thực hiện các phần mềm tác nghiệp<sup>30</sup> để thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý về chuyên môn.

<sup>29</sup> Số lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đã triển khai thực tế là 362 dịch vụ, trong đó đã bãi bỏ là 61 dịch vụ.

<sup>30</sup> Các phần mềm tác nghiệp: Công tác chuẩn hóa dữ liệu và số hóa thông tin tài liệu hồ sơ người có công tại Sở LĐ-TB-XH; ứng dụng CNTT tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh giai đoạn 2; xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp tỉnh Bình Dương; xây dựng hệ thống thông tin địa lý và các phần mềm chuyên ngành xây dựng giai đoạn 2; số hóa cơ sở dữ liệu ngành Tài nguyên và Môi trường...

Tỉnh đã triển khai và đưa vào sử dụng phần mềm một cửa điện tử cấp huyện từ năm 2013. Nhằm tiếp tục thực hiện nâng cấp, triển khai phần mềm một cửa theo hướng tập trung, liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã. Đến năm 2018, đã tiến hành triển khai phiên bản mới cho 60 cơ quan, đơn vị gồm: 20/20 sở, ban, ngành; 9/9 UBND cấp huyện, 31/91 UBND cấp xã thực hiện liên thông<sup>31</sup>. Phần mềm một cửa điện tử của tỉnh thường xuyên được nâng cấp, cải tiến để đáp ứng với nhu cầu của người dân và theo quy định của Chính phủ. Kết quả, các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện đã tiếp nhận 812.444 hồ sơ TTHC trên phần mềm một cửa điện tử; số hồ sơ giải quyết trước hạn, đúng hạn đạt từ 97% trở lên.

#### b) Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2008

Toàn tỉnh có 151 cơ quan đã xây dựng, áp dụng và thực hiện công bố Hệ thống quản lý chất lượng (QLCL) phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008. Trong đó 28/28 cơ quan thuộc diện bắt buộc và 123 cơ quan thuộc diện khuyến khích áp dụng. Hiện còn 8 xã (huyện Bắc Tân Uyên) và 3 đơn vị (Chi cục Bảo vệ môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm) chưa xây dựng và áp dụng Hệ thống QLCL theo TCVN ISO 9001:2008; một số đơn vị đang chuyển đổi sang hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015.

Tổng số TTHC trong các cơ quan HCNN trên địa bàn tỉnh đã chuẩn hóa theo quy trình QLCL là: 15.659/17.140, đạt 91,4% (kế hoạch là 90%). Trong đó, các sở, ban, ngành là 1.573/1.663 đạt 94,5% (có 12 sở, ban, ngành đạt 100%<sup>32</sup>), trung bình của 9 huyện, thị xã, thành phố là 2.251/2.691 đạt 83,6% (huyện Phú Giáo đạt 100%), trung bình của 83 đơn vị cấp xã là 9.850/10.790, đạt 91,3% (trong đó có 32 đơn vị cấp xã đạt 100%). Đối với các cơ quan ngành dọc đều đã công bố 100% thủ tục hành chính do Bộ, ngành ban hành.

Hàng năm UBND tỉnh đều ban hành kế hoạch kiểm tra ISO hành chính đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương lồng ghép trong Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC của tỉnh.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

Nhìn chung, công tác CCHC trên địa bàn tỉnh thời gian qua đạt nhiều kết quả tích cực; các cấp, các ngành đã triển khai đồng bộ các nhiệm vụ trọng tâm Kế hoạch CCHC nhà nước tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020, theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, chuyên nghiệp. Theo đó, công tác tuyên truyền về CCHC được đẩy mạnh, góp phần nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trong việc chung tay thực hiện CCHC. Hệ thống VBQPPL ngày càng được hoàn thiện, đảm bảo tốt hơn quyền làm chủ của nhân dân và tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cơ chế một cửa, một cửa liên thông được triển khai toàn diện, cơ bản đồng

<sup>31</sup> Đến năm 2019, đã có 91 cơ quan, đơn vị thực hiện liên thông gồm: 20/20 sở, ban, ngành; 9/9 UBND cấp huyện, 62/91 UBND cấp xã

<sup>32</sup> Các sở, ngành: Công Thương; Khoa học và Công nghệ; Lao động – Thương binh và Xã hội; Nội vụ; Ngoại vụ; Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Tài chính; Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp; Xây dựng; Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Dương; Ban Quản lý khu công nghiệp Việt Nam – Singapore.

bộ ở cả 3 cấp chính quyền; cơ sở vật chất, trang thiết bị Bộ phận Một cửa được đầu tư khang trang, hiện đại, đáp ứng yêu cầu công tác và tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức đến giao dịch. Công tác cải cách TTHC được quan tâm và đẩy mạnh thực hiện, nhất là trong các lĩnh vực về đất đai, xây dựng, đầu tư, hộ tịch... Hàng năm, tỉnh đều có rà soát, đánh giá TTHC và kiến nghị Trung ương sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ những quy định không còn phù hợp. Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa XII được lãnh đạo tỉnh quan tâm chỉ đạo quyết liệt và đã xây dựng các Đề án, kế hoạch và chính sách để sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính các cấp và các đơn vị sự nghiệp công lập theo lộ trình, hướng đến mục tiêu đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với tình hình của tỉnh. Chất lượng phục vụ và tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được nâng lên; công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức được chấn chỉnh và từng bước đi vào nề nếp; triển khai thực hiện thí điểm đổi mới cách tuyển chọn lãnh đạo, quản lý cấp sở và cấp phòng thông qua thi tuyển bước đầu đạt hiệu quả; công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được quan tâm. Công tác quản lý tài chính, ngân sách của tỉnh có sự chuyển biến tích cực, từng bước nâng cao trách nhiệm tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đối tượng sử dụng ngân sách, tăng cường hiệu quả trong việc chi ngân sách, đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Việc ứng dụng CNTT trong hoạt động hành chính được đẩy mạnh để xây dựng chính phủ điện tử; việc xây dựng, áp dụng và thực hiện công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 được thực hiện theo quy định; tỷ lệ TTHC được chuẩn hóa theo quy trình ISO đạt mức cao, góp phần tạo sự minh bạch, công khai và nghiêm túc trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước.

## **B. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ; NGUYÊN NHÂN CỦA TỒN TẠI, HẠN CHẾ**

### **I. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ**

1. Việc thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách TTHC thực hiện chưa nghiêm; trong đó, chưa tổ chức đối thoại với cá nhân, tổ chức về TTHC, giải quyết TTHC định kỳ 6 tháng theo quy định. Người đứng đầu một số địa phương chưa quan tâm đúng mức, chưa quyết liệt trong việc theo dõi, chỉ đạo thực hiện công tác CCHC nên hiệu quả CCHC còn thấp; một số địa phương ban hành kế hoạch thực hiện công tác CCHC chậm so với yêu cầu; một số kế hoạch ban hành còn mang tính hình thức, không sát thực tế, chưa thực hiện kiểm điểm, đánh giá tiến độ thực hiện kế hoạch đặt ra.

2. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; thông tin, tuyên truyền về CCHC ở một số địa phương hiệu quả chưa cao, chưa tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của một số cán bộ, công chức, viên chức và người dân về các nội dung liên quan đến Chương trình tổng thể CCHC.

Việc thực hiện công khai thông tin để đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của công dân theo Luật Tiếp cận thông tin chưa theo đúng quy định.

3. Một số cơ quan chuyên môn còn lúng túng khi thực hiện trình tự, thủ tục xây dựng văn bản và chuẩn bị hồ sơ theo quy định; còn xảy ra những sai sót về kỹ thuật soạn thảo khi ban hành văn bản. Việc tiến hành rà soát các chính sách, chế độ chi của tỉnh còn chậm. Qua nghiên cứu kết quả rà soát trong giai đoạn từ năm 1999 đến tháng 6 năm 2018, nhận thấy việc ban hành các chính sách, chế độ còn một số bất cập:

(1) Một số văn bản quy định về chế độ, chính sách có tính quy phạm nhưng được ban hành dưới hình thức công văn (có 08 công văn, trong đó hiện nay có 03 công văn hết hiệu lực toàn bộ, 01 công văn hết hiệu lực một phần và 04 công văn còn hiệu lực toàn bộ<sup>33</sup>).

(2) 39/67 văn bản của UBND tỉnh được ban hành trên cơ sở Nghị quyết HĐND tỉnh, còn lại 28 văn bản chưa xác định cơ sở pháp lý và thẩm quyền?<sup>34</sup>

(3) Một số chế độ, chính sách được ban hành khá lâu vẫn còn áp dụng, chưa kịp thời ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của Trung ương và tình hình thực tiễn của địa phương<sup>35</sup>.

(4) Các chế độ, chính sách tuy được áp dụng cho cùng một loại đối tượng thụ hưởng (như công chức, viên chức, người lao động ngành giáo dục đào tạo và y tế) nhưng lại được ban hành ở nhiều văn bản khác nhau, ở các thời điểm khác nhau, do đó không thuận tiện trong việc áp dụng và theo dõi quá trình thực hiện.

#### 4. Về cải cách thủ tục hành chính

- Một số địa phương cấp xã chưa thực hiện đúng quy định về công khai, minh bạch về thủ tục hành chính, cụ thể: chưa công khai bằng hình thức đóng thành quyển đặt tại bộ phận một cửa theo quy định; chưa thực hiện quy định niêm yết Quyết định công bố TTHC của UBND tỉnh hoặc chỉ niêm yết Quyết định công bố TTHC, niêm yết quy trình ISO mà không niêm yết nội dung của TTHC; còn niêm yết văn bản đã hết hiệu lực; chủ yếu niêm yết công khai trên bảng tại trụ sở cơ quan, đơn vị; vị trí niêm yết chưa thuận lợi cho cá nhân, tổ chức theo dõi và tra cứu. Nhiều thông tin được công khai tại Bộ phận một cửa tại mỗi địa phương khác nhau, không thống nhất.

---

<sup>33</sup> Công văn hết hiệu lực một phần: Công văn 344/UBND-VX ngày 05/02/2010 về chế độ dạy thêm giờ trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

Công văn còn hiệu lực toàn bộ: (1) Công văn 3245/UBND-VX ngày 03/7/2007 về kinh phí bồi dưỡng cho giáo viên và hỗ trợ tiền xăng xe cho Thanh niên tình nguyện hè; (2) Công văn 740/UBND-VX ngày 23/3/2012 về mức kinh phí phụ cấp cho cán bộ trực tiếp phụ trách phòng đọc sách, báo các điểm Bưu điện văn hóa xã; (3) Công văn 1297/UBND-KTN ngày 17/5/2011 về việc thay đổi mức phụ cấp cộng tác viên giám sát mùa màng; (4) Công văn 4521/UBND-VX ngày 11/11/2002 về việc chấp thuận kinh phí mua báo Đại Đoàn kết.

<sup>34</sup> Quyết định 75/2006/QĐ-UBND ngày 24/3/2006 của UBND tỉnh ban hành số lượng đội viên và kinh phí hoạt động của Đội dân phòng; Quyết định 3279/QĐ-UBND ngày 25/10/2010 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định tạm thời định mức chi phí không có trong quy định của Nghị định số 61/2002/NĐ-CP ngày 11/6/2002 của Chính phủ...

<sup>35</sup> Ví dụ như: Quyết định số 2456/QĐ-UBND ngày 19/6/2009 của UBND tỉnh phê duyệt chế độ nhuận bút của Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh Bình Dương theo Nghị định số 61/2002/NĐ-CP ngày 11/6/2002 của Chính phủ; Quyết định số 3279/QĐ-UBND ngày 25/10/2010 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định tạm thời định mức chi phí không có trong quy định của Nghị định số 61/2002/NĐ-CP ngày 11/6/2002 của Chính phủ.



- Công tác kiểm soát, rà soát TTHC đạt hiệu quả chưa cao; chưa chủ động, tích cực để kịp thời phát hiện, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các quy định, TTHC chưa phù hợp hoặc không cần thiết.

- Còn nhiều hồ sơ giải quyết quá hạn, trễ hẹn, trong đó có những lĩnh vực liên quan mật thiết đến đời sống dân sinh như đất đai, xây dựng; một số TTHC tuy đã được cắt giảm nhưng vẫn còn rườm rà.

- Có những nội dung không có quy định nhưng một số địa phương phải thực hiện theo đề nghị của người dân như: Đơn đề nghị cung cấp thông tin đất đai do UBND xã/phường xác nhận (theo yêu cầu của Công chứng trong giao dịch giấy tờ về bất động sản), Đơn xin xác nhận hạnh kiểm của cá nhân do Công an xã/phường xác nhận (để đi xin việc theo yêu cầu doanh nghiệp) hoặc khi xây nhà, người dân đã được cấp phép nhưng khi làm hộ khẩu thì Công an lại yêu cầu xác nhận tình trạng nhà ở.

- Hầu hết các website của Sở có mục Dịch vụ công hoặc TTHC được liên kết đến Trang thông tin HCC tỉnh; tuy nhiên, trường hợp Trang thông tin này gặp sự cố thì không thể tra cứu TTHC của Sở. Bên cạnh đó, một số Sở có riêng phần hướng dẫn TTHC nhưng lại không liên kết với trang Trang thông tin HCC tỉnh.

- Một số Sở thực hiện phần mềm chuyên dụng theo Bộ, ngành Trung ương, nhưng việc kết nối, đồng bộ với địa phương chưa thực hiện được. Phần mềm một cửa tại các cơ quan, đơn vị, địa phương thường xuyên bị lỗi; việc trang bị kiosk, máy tính để người dân tra cứu thông tin, máy tính bảng để đánh giá mức độ hài lòng của người dân sử dụng chưa hiệu quả; bên cạnh đó, cán bộ vừa thực hiện cập nhật phần mềm, vừa ghi chép vào sổ tay lưu, mất nhiều thời gian.

- Việc hướng dẫn, khuyến khích người dân sử dụng các dịch vụ, thiết bị hiện đại tại Trung tâm Phục vụ HCC (TP.Thủ Dầu Một), Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã và tại Trung tâm HCC tỉnh còn hạn chế nhất định; nhiều thiết bị đã được trang bị nhưng hiệu quả sử dụng còn thấp.

- Nhân sự làm việc tại Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã có một số vị trí còn bố trí nhân viên hợp đồng, chưa đảm bảo thực hiện đúng quy định của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết hành chính<sup>36</sup>.

- Cơ sở vật chất phục vụ cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở một số nơi chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định, nhất là ở cấp xã: diện tích chưa đảm bảo theo quy định<sup>37</sup>, một số nơi bố trí Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chung với phòng làm việc, chưa bố trí nơi ngồi chờ cho cá nhân, tổ chức đến giao dịch; một số địa phương trang thiết bị phục vụ công tác còn hạn chế, chưa hiện đại, chưa đáp ứng yêu cầu công việc.

---

<sup>36</sup> Điều b, khoản 1 Điều 11 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết hành chính quy định: “Cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa phải là người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên hoặc tương đương trở lên; có thâm niên công tác tối thiểu 03 năm trong ngành, lĩnh vực được phân công và được đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

<sup>37</sup> Phòng tiếp dân và Bộ phận một cửa của 6/7 phường thuộc thị xã Dĩ An còn chật hẹp, không đạt chuẩn về diện tích theo quy định.

- Chỉ số, thứ hạng cải cách hành chính của các địa phương ở cấp huyện qua các năm tuy được cải thiện nhưng vẫn còn ở mức thấp.

## **5. Về hiện đại hóa hành chính**

Việc ứng dụng CNTT trong việc giải quyết các TTHC (*theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại*) còn nhiều khó khăn, hạn chế; một số cơ quan chuyên môn cấp trên chưa có hệ thống phần mềm kết nối với UBND cấp xã trong việc tiếp nhận giải quyết TTHC, đặc biệt là giải quyết TTHC liên thông như lĩnh vực đất đai, cấp số nhà; một số phần mềm ứng dụng trong công tác quản lý nhà nước còn nhiều bất cập; đường truyền dữ liệu chung không ổn định...

Tỉnh đã triển khai trên 300 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, tuy nhiên, số lượng hồ sơ phát sinh không nhiều; một số sở, ngành, địa phương cấp huyện chưa triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

Việc triển khai ứng dụng chữ ký số trong công tác chưa được thực hiện đồng bộ, nhiều đơn vị chưa thực hiện.

Một số địa phương có tỷ lệ TTHC áp dụng theo tiêu chuẩn ISO chưa đảm bảo quy định; nhiều cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã chưa nhận thức đúng việc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001; việc kiểm tra, đánh giá hệ thống do chính cơ quan áp dụng chưa được quan tâm đúng mức.

Việc thực hiện mua sắm tập trung thiết bị CNTT của cấp xã còn nhiều hạn chế như: tiến độ mua sắm kéo dài, chậm nhận được thiết bị; quá trình bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc không thuận tiện, còn nhiều khó khăn.

Việc nhận, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích còn hạn chế.

## **6. Về cải cách tổ chức bộ máy**

a) Về việc sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập

Đến tháng 5/2018, tỉnh Bình Dương có 64 đơn vị sự nghiệp công lập, gồm 07 đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, 133 đơn vị trực thuộc sở ngành, chi cục và 496 đơn vị sự nghiệp cấp huyện. Trong đó, sự nghiệp GD-ĐT có 394 đơn vị, chiếm 62% tổng số đơn vị sự nghiệp toàn tỉnh.

UBND tỉnh đang tích cực triển khai thực hiện Chương trình 77-CTr/TU ngày 11/5/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Tuy nhiên, việc triển khai của UBND tỉnh chưa gắn kết chặt chẽ với việc trình HĐND tỉnh phê duyệt biên chế sự nghiệp nên phải trình HĐND điều chỉnh trong thời gian ngắn.

b) Về việc thực hiện tinh giản biên chế

UBND tỉnh chưa kịp thời thể chế hóa Quyết định 711-QĐ/TU ngày 11/5/2018 của Tỉnh ủy về phê duyệt Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh

ting gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII (Đề án 711), để có cơ sở điều hành, triển khai thực hiện tinh giản biên chế theo lộ trình bằng biện pháp quản lý hành chính nhà nước; vì vậy, chưa giải quyết được sự chênh lệch nhiều về số liệu trong Đề án 2409 tinh giản biên chế tỉnh Bình Dương giai đoạn 2015 – 2021 của UBND tỉnh (được ban hành năm 2016) so với định hướng tinh giản biên chế theo Đề án 711.

Việc thực hiện tinh giản biên chế hiệu quả chưa cao; số lượng biên chế tinh giản chủ yếu là nghỉ hưu theo chế độ và cắt giảm biên chế đã giao nhưng chưa tuyển dụng. Bên cạnh đó, việc nhập các trường học còn lúng túng, chuyển đổi môi trường công lập sang tư thục mới theo tinh thần chỉ đạo của tỉnh, chưa có cơ chế tài chính, cách thức thực hiện.

Về triển khai thực hiện Đề án 711 liên quan đến đối tượng là cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã và khu phố, ấp: Hiện nay, các địa phương đang triển khai thực hiện tinh giản biên chế theo Đề án 711, mỗi xã bố trí 29 người mà không có sự phân biệt theo từng loại đơn vị hành chính, trong khi các văn bản của Trung ương điều chỉnh nội dung này đều quy định bố trí theo phân loại đơn vị hành chính (trước đây là Nghị định 92/2009/NĐ-CP, hiện hành là Nghị định 34/2019/NĐ-CP). Việc bố trí mỗi xã 29 người một cách đồng nhất như vậy là chưa xem xét đến đặc điểm tình hình ở từng địa phương.

Việc triển khai thực hiện mô tả khung năng lực và số lượng người làm việc theo vị trí việc làm được chỉ đạo triển khai thực hiện nhưng chưa đảm bảo theo quy định, chậm tiến độ theo kế hoạch.

Việc đánh giá cán bộ, công chức còn có tình trạng nể nang, chưa thực chất, chưa gắn với kết quả thực hiện công việc, đánh giá còn nặng về định tính, chưa tập trung đánh giá chính xác chất lượng, hiệu quả thực thi nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức dẫn đến hạn chế trong thực hiện tinh giản biên chế. Tinh thần, trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa cao.

Về công tác đào tạo nguồn cán bộ ở cấp xã: năm 2011, tỉnh thực hiện triển khai thực hiện Đề án đào tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt cấp ủy, chính quyền xã, phường, thị trấn với tổng số học viên tham gia 02 lớp nguồn là 206, kinh phí thực hiện Đề án: 14.626.327.600 đồng. Thực tế việc đào tạo, sử dụng cán bộ, công chức từ Đề án tạo nguồn chưa thật sự phát huy hiệu quả, chưa đạt được mục tiêu mà Đề án đã đề ra<sup>38</sup>.

Từ năm 1998, tỉnh Bình Dương đã có chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương. Các chính sách này góp phần đảm bảo sự ổn định và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thuộc các lĩnh vực y tế, giáo dục – đào tạo, dạy nghề và đội ngũ cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn. Tuy nhiên, qua quá trình thực hiện, chính sách thu hút nguồn nhân lực đã bộc lộ những mặt hạn chế, nhất là trong lĩnh vực y tế. Nguyên nhân là do người có năng

---

<sup>38</sup> Mục tiêu xác định: Trong nhiệm kỳ cấp ủy xã 2015 – 2020 và nhiệm kỳ của HĐND, UBND 2016 – 2021 có trên 70% số tạo nguồn của 02 khóa được bố trí, giới thiệu ứng cử vào các chức danh lãnh đạo, quản lý chủ chốt ở cấp xã. Kết quả thực hiện đến nay chỉ có 22 người đảm nhiệm các chức danh cán bộ cấp xã.

lực, trình độ chuyên môn cần thu hút trong lĩnh vực y tế không có nhiều, các mức thu hút, hỗ trợ chưa thật sự hấp dẫn. Mặt khác, các chính sách hiện hành cũng chưa quan tâm đúng mức đến việc “giữ chân” những người đang công tác trong ngành, trong khi đó, ngày càng có nhiều cơ sở y tế ngoài nhà nước đưa ra những chế độ, mức lương hấp dẫn hơn để thu hút nhân lực của ngành y tế. Do đó, đòi hỏi phải điều chỉnh chính sách hiện hành, tuy nhiên, việc triển khai xây dựng chính sách điều chỉnh, thay thế còn chậm, làm ảnh hưởng đến việc thu hút, giữ chân nguồn nhân lực ngành y tế<sup>39</sup>.

Chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức còn mang tính khái quát, chưa đạt được kiến thức cần thiết cho từng đối tượng; còn mang nặng lý thuyết, thiếu kinh nghiệm thực tiễn; chưa chú trọng đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng thực thi nhiệm vụ, công vụ. Mặt khác, cán bộ, công chức, viên chức do tập trung thực hiện nhiệm vụ chuyên môn nên ít tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn đã đăng ký.

## **7. Về cải cách tài chính công**

UBND tỉnh đã thực hiện công khai ngân sách nhà nước trên Trang thông tin điện tử của tỉnh, nhưng nội dung công khai chưa đầy đủ theo quy định. Bên cạnh đó, nhiều địa phương cấp huyện, cấp xã chưa thực hiện việc công khai, minh bạch về tài chính, ngân sách địa phương trên Trang thông tin điện tử, chủ yếu là niêm yết tại Bộ phận một cửa.

Thời gian qua, tỉnh đã quan tâm đầu tư phát triển hệ thống giao thông, trường học. Đến nay khối tài sản vật chất này về giá trị là rất lớn, tuy nhiên việc bố trí nguồn vốn cho công tác bảo trì, bảo dưỡng chưa được xác định đầy đủ trong lập ngân sách dự án đầu tư, thể hiện sự chưa gắn kết giữa lập kế hoạch chi đầu tư và thường xuyên, cả ở cấp tỉnh và cấp huyện. Ở góc độ sử dụng ngân sách, cần có kế hoạch tài chính công gắn kết hơn giữa chi đầu tư và chủ động bố trí chi bảo trì nhằm khai thác, duy trì trạng thái hoạt động của khối tài công ngày càng tăng của tỉnh, đặc biệt trong lĩnh vực giao thông và giáo dục.

Kết quả thực hiện chủ trương xã hội hóa đạt được những kết quả bước đầu trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là giáo dục mầm non và trong y tế. Tỉnh cũng đã quan tâm xác định danh mục các dự án ở các lĩnh vực kêu gọi hợp tác công tư, tuy nhiên kết quả còn khá khiêm tốn. Bên cạnh việc hành lang pháp lý chưa hoàn thiện, cơ chế thanh toán bằng quỹ đất còn nhiều bất cập, còn có nguyên nhân là thông tin về dự án chưa được rõ ràng và chính sách đi kèm phù hợp. Đối với cấp huyện, công tác xã hội hóa trên lĩnh vực y tế - giáo dục, kêu gọi đầu tư, huy động các nguồn lực xã hội còn khó khăn.

Các địa phương cấp huyện còn lúng túng, khó khăn trong việc triển khai thực hiện Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, do các bộ, ngành chậm triển khai; bên cạnh

---

<sup>39</sup> Từ tháng 4/2017, UBND tỉnh đã đề nghị Thường trực HĐND tỉnh cho ý kiến về chủ trương xây dựng Nghị quyết, dự kiến sẽ trình HĐND tỉnh thông qua vào kỳ họp giữa năm 2017; Thường trực HĐND tỉnh có Công văn 113/HĐND-VP ngày 9/5/2017 chấp thuận cho xây dựng Nghị quyết này. Tuy nhiên đến nay, dự thảo Nghị quyết này mới được trình ra vào kỳ họp giữa năm 2019 - trễ hơn 02 năm so với dự kiến.

đó, một số định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước quản lý cũng chưa được ban hành đầy đủ, làm cơ sở ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công tính đủ chi phí và các quy định về quản lý nhà nước đối với dịch vụ sự nghiệp công và đơn vị sự nghiệp công.

## **II. NGUYÊN NHÂN TỒN TẠI, HẠN CHẾ**

### **1. Nguyên nhân khách quan**

Các văn bản QPPL quy định liên quan đến TTHC thường xuyên thay đổi gây áp lực trong việc rà soát, công bố TTHC, ảnh hưởng đến chất lượng và tiến độ thực hiện. Các quy định, chính sách của Trung ương cho việc thực hiện tinh giản, sắp xếp tổ chức bộ máy còn chậm ban hành, hướng dẫn ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện của các Đề án, Kế hoạch của tỉnh.

Nguyên nhân hồ sơ còn trễ hẹn trong lĩnh vực đất đai chủ yếu là hồ sơ trễ hẹn đối với cấp giấy chứng nhận lần đầu và chuyển mục đích sử dụng đất do khi thực hiện đo đạc có tăng về diện tích, ranh giới... phải thực hiện thủ tục như cấp giấy lần đầu nên phải kiểm tra, xác minh, mất nhiều thời gian; đối với hồ sơ tư pháp trễ hẹn do người dân mất khai sinh, cần phải xác minh để cấp lại nên mất nhiều thời gian.

Việc thực hiện dịch vụ bưu chính công ích trong tiếp nhận, trả kết quả tại địa chỉ theo yêu cầu chưa hiệu quả do người dân còn thói quen đi trực tiếp đến cơ quan nhà nước để thực hiện TTHC, tâm lý e ngại khi giao giấy tờ quan trọng cho nhân viên Bưu điện thay mình thực hiện các giao dịch hành chính.

Việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung theo Quyết định 08/2016/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ còn nhiều bất cập, tiến độ thực hiện mua sắm tập trung còn kéo dài; quá trình bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc không thuận tiện, còn nhiều khó khăn,....

Việc triển khai thực hiện dịch vụ công cấp độ 3, 4 cho các huyện, thị xã, thành phố tương đối chậm do Trung ương có nhiều điều chỉnh, Sở Thông tin - Truyền thông phải mất nhiều thời gian xây dựng dự án trình phê duyệt theo đúng các trình tự thủ tục để làm cơ sở triển khai.

### **2. Nguyên nhân chủ quan**

Tinh thần, trách nhiệm của một số lãnh đạo địa phương, sở, ngành chưa cao, chưa nhận thức đầy đủ ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác CCHC, chưa thật sự quan tâm đến công tác CCHC, chưa xác định trọng tâm, trọng điểm trong CCHC; việc kiểm tra, đôn đốc, giám sát, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC chưa thường xuyên.

Năng lực thực tiễn và kinh nghiệm công tác của một số công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu; tinh thần trách nhiệm chưa cao, nhận thức pháp luật chưa đầy đủ, còn máy móc, đôi lúc còn lúng túng trong việc giải quyết TTHC..., gây khó khăn, phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

Thiếu sự phối hợp thống nhất, đồng bộ trong thực hiện cải cách TTHC, nhất là giữa Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và các địa phương trong giải quyết hồ sơ, TTHC về đất đai; một số sở, ngành chưa có sự chủ động, phối hợp triển khai

thực hiện cơ chế một cửa liên thông đối với những TTHC có tính chất liên thông thuộc ngành, lĩnh vực quản lý.

Các quy định về áp dụng chữ ký số trong văn bản điện tử còn bất cập; đồng thời, nhận thức về vai trò của chữ ký số tại một số cơ quan còn hạn chế.

Công chức phụ trách công tác CCHC, kiểm soát TTHC, ISO của các địa phương, sở, ngành hoạt động kiêm nhiệm, chủ yếu tập trung giải quyết nhiệm vụ chuyên môn và nhiều đơn vị, địa phương có sự thay đổi nhân sự nên chưa dành nhiều thời gian cho các công tác này. Bên cạnh đó, việc thực hiện tinh giản biên chế đối với các địa phương đô thị phát triển gặp khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ do cán bộ kiêm nhiều việc nhưng chế độ, chính sách hỗ trợ chưa tạo sự khuyến khích cho cán bộ, công chức.

## **C. KIẾN NGHỊ**

Qua giám sát, kiến nghị UBND tỉnh, ngoài việc quan tâm chỉ đạo khắc phục các tồn tại, hạn chế nêu trên, cần tập trung chỉ đạo thực hiện một số nội dung sau:

### **I. VỀ CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY**

#### **1. Trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

- Có cơ chế quản lý, sử dụng, phân bổ biên chế phù hợp với cơ cấu chức danh, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, khung năng lực theo vị trí việc làm, đảm bảo phù hợp với quy định của Trung ương, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân và phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế những cán bộ, công chức, viên chức hạn chế về trình độ năng lực, tiếp tục tuyển dụng người có đức, có tài vào làm việc trong hệ thống chính trị tỉnh, khắc phục tình trạng vừa thừa, vừa thiếu.

- Kịp thời ban hành các chế độ, chính sách phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương và tình hình thực tiễn, trong đó bảo đảm kết hợp vừa thu hút nhân tài vừa có chính sách động viên, giữ chân nguồn nhân lực hiện có để đảm bảo nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ trong điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

#### **2. Trong việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập**

Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, kiện toàn hệ thống tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập để đạt được mục tiêu đã đề ra trong Chương trình 77-CTr/TU của Tỉnh ủy về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, quản trị tiên tiến, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Trong đó, cần quan tâm gắn kết chặt chẽ giữa tiến độ sắp xếp các đơn vị sự nghiệp với việc trình HĐND tỉnh phê duyệt biên chế sự nghiệp hằng năm.

#### **3. Trong việc thực hiện tinh giản biên chế**

UBND tỉnh cần ban hành Quyết định để thể chế hóa Quyết định 711-QĐ/TU ngày 11/5/2018 của Tỉnh ủy và thay thế Quyết định 2409/QĐ-UBND ngày

14/9/2016, xác định lộ trình tinh giản biên chế trong từng năm đến năm 2021 trên cơ sở định hướng tinh giản biên chế trong Đề án 711, nhằm đảm bảo thể chế hóa chủ trương của Đảng bằng biện pháp quản lý hành chính, đồng thời phù hợp, nhất quán với số liệu tinh giản biên chế mà Đề án 711 đã đề ra.

4. UBND tỉnh xây dựng và trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định các nội dung phù hợp Nghị định 34/2019/NĐ-CP.

## **II. VỀ TỔ CHỨC BỘ PHẬN MỘT CỬA, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH**

1. UBND tỉnh chỉ đạo các địa phương quan tâm, ưu tiên triển khai thực hiện văn bản số 740/UBND-NC ngày 25/02/2019 của UBND tỉnh về chấn chỉnh hoạt động tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa các cấp và văn bản số 804/VPUB ngày 12/6/2019 của Văn phòng UBND tỉnh, hướng dẫn xây dựng Đề án Một cửa cấp huyện và cấp xã;

2. Nâng chất lượng và đa dạng thông tin khi sử dụng màn hình tại bộ phận một cửa; ngoài trình chiếu thông tin về TTHC, đề nghị xây dựng nội dung, thông tin tuyên truyền của tỉnh để khai thác hiệu quả trang thiết bị. Nghiên cứu việc xây dựng video clip hướng dẫn một số TTHC thông dụng để thực hiện trong cả tỉnh.

3. Chỉ đạo việc thực hiện thống nhất TTHC ở tất cả các địa phương trên địa bàn tỉnh. Đối với các TTHC phát sinh, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo, thông báo chính thức cách xử lý đến các địa phương, cơ quan, tổ chức.

4. Tập trung chỉ đạo ứng dụng CNTT trong công tác quản lý nhà nước cũng như việc xây dựng chính phủ điện tử, có sự liên kết với việc thực hiện Đề án thành phố thông minh của tỉnh. Tổ chức kiểm tra, đánh giá các phần mềm đã triển khai trong toàn tỉnh nhằm khắc phục bất cập đáp ứng yêu cầu công việc.

5. Chỉ đạo thực hiện thống nhất việc đăng tải TTHC tại các website của Sở, ngành, địa phương và kết nối với Trang thông tin HCC tỉnh; đảm bảo TTHC được công khai dễ tiếp cận, dễ khai thác. Đồng thời xây dựng chuyên mục Tiếp nhận phản ánh, kiến nghị trên website và quan tâm đảm bảo tính bảo mật của thông tin.

## **III. VỀ CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG**

1. Chỉ đạo thực hiện việc công khai ngân sách cấp tỉnh đầy đủ về nội dung, thời gian và hình thức công khai bắt buộc theo quy định; đảm bảo người dân dễ dàng truy cập, khai thác. Đồng thời chỉ đạo UBND cấp huyện, cấp xã và các đơn vị dự toán thực hiện nghiêm việc công khai ngân sách đúng quy định pháp luật.

2. UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện các biện pháp: (1) nâng cao chất lượng dự toán; (2) tổ chức và giám sát chặt chẽ tình hình thực hiện để có điều chỉnh kịp thời; và (3) tăng cường và kiên quyết xử lý trách nhiệm của người đứng đầu trong lập, thực hiện dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm.

3. Tiếp tục phát huy kết quả việc ứng dụng CNTT trong hoạt động nghiệp vụ của các đơn vị, sở, ngành; đồng thời nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là công chức chuyên trách CNTT, để sẵn sàng tiếp nhận và khai thác hiệu quả

khi các hệ thống thông tin quản lý tài chính được triển khai trong ngành.

4. Chỉ đạo các sở, ngành liên quan sớm có giải pháp thúc đẩy phát triển KH-CN trên địa bàn tỉnh theo hướng xác định doanh nghiệp là trung tâm của đổi mới sáng tạo và tạo sự gắn kết theo mô hình ba Nhà, trong đó Nhà nước đóng vai trò kết nối và hỗ trợ nguồn lực ban đầu. Đồng thời ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới công nghệ.

5. Chỉ đạo các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị, thành phố phối hợp trong công tác chủ động bố trí vốn thực hiện duy tu, bảo dưỡng cơ sở vật chất; gắn kết dự báo nhu cầu vốn cho duy tu bảo dưỡng từ khi lập dự án đầu tư.

6. Đối với các dự án kêu gọi hợp tác công tư, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức nghiên cứu, đánh giá một cách khoa học tính khả thi về tài chính của từng dự án để làm cơ sở đưa ra phương án lựa chọn nhà đầu tư cũng như chính sách hỗ trợ cần thiết.

7. Đối với công tác xã hội hóa, tiếp tục chỉ đạo tập trung thực hiện Công văn số 889/UBND-VX ngày 05/3/2019 của UBND tỉnh hướng dẫn trình tự thực hiện xã hội hóa theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh.

### III. VẤN ĐỀ KHÁC

1. Đề nghị UBND tỉnh xem xét, giải quyết và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét, giải quyết các kiến nghị của các Sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã theo thẩm quyền (*Phụ lục 4*).

2. Đề nghị UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Đoàn giám sát tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2020.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh về thực hiện Kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Dương./.

#### *Nơi nhận:*

- Đoàn giám sát;
- Lãnh đạo VP HĐND tỉnh;
- Phòng TH (3);
- Lưu: VT.

TM. ĐOÀN GIÁM SÁT  
NÔNG ĐOÀN



PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH  
Nguyễn Thị Kim Oanh





### Phụ lục 1

Các chỉ số Par index, Sipas của địa phương và các sở  
Ban hành kèm theo Báo cáo số 71/BC-ĐGS ngày 22 tháng 7 năm 2019  
của Đoàn giám sát của HĐND tỉnh

CHỈ SỐ PAR INDEX (điểm/xếp hạng)									
	Thủ Dầu Một	Thuận An	Dĩ An	Tân Uyên	Bến Cát	Dầu Tiếng	Phú Giáo	Bàu Bàng	Bắc Tân Uyên
2016	83,20/1	80,25/2	70,51/8	80,05/3	79,15/5	73,16/7	76,42/6	79,59/4	69,87/9
2017	84,58/1	79,04/4	78,06/5	82/2	77,83/6	76,22/7	76,03/8	80,27/3	71,46/9
CHỈ SỐ SIPAS (tỷ lệ/hạng)									
	Thủ Dầu Một	Thuận An	Dĩ An	Tân Uyên	Bến Cát	Dầu Tiếng	Phú Giáo	Bàu Bàng	Bắc Tân Uyên
2016	78,60%/6	88,10%/2	59,30%/8	85,60%/4	64,30%/7	92%/1	81,20%/5	46,40%/9	88%/3
2017	93,50%/4	87,10%/8	94,30%/2	93,30%/5	91,30%/6	98,40%/1	94%/3	89,80%/7	80%/9
2018	97,58%/2	82,20%/9	95,63%/5	91,57%/7	87,60%/8	96,93%/4	95,07%/6	98,28%/1	97,52%/3



**CHỈ SỐ PAR INDEX (điểm/xếp hạng)**

	Nội vụ	Sở Tư pháp	Sở Tài chính	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Thông tin và truyền thông	Sở Lao động - TB và XH	Sở Y tế	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giao thông Vận tải	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Xây dựng
<b>2016</b>	77,25/4	81,34/2	70,86/13	60,82/19	68,71/15	72,11/12	70,7/14	52,17/20	73,62/10	74,7/4	72,51/11
<b>2017</b>	82,02/4	81,89/5	71,92/4	73,98/13	79,13/6	76,44/11	75,65/12	69,99/15	78,72/7	77,49/9	68,43/16

**CHỈ SỐ SIPAS (tỷ lệ/hạng)**

	Sở Nội vụ	Sở Tư pháp	Sở Tài chính	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Thông tin và truyền thông	Sở Lao động - TB và XH	Sở Y tế	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giao thông Vận tải	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Xây dựng
<b>2016</b>	83/1	69/2	/	52/10	/	62,1/5	60/7	48/11	67,8/3	/	36/13
<b>2017</b>	85/8	86,5/6	83/12	72,3/18	91/3	75,5/16	85/9	89/4	83,3/11	88/5	76/14
<b>2018</b>	89,01/1	81,78/10	66,34/18	73,49/16	87,73/5	78,53/11	83,61/8	83,85/7	88,86/4	90,13/2	74,97/15



**Phụ lục 2**  
**Các chỉ số của tỉnh**

Binh kèm theo Báo cáo số 71/BC-ĐGS ngày 22 tháng 7 năm 2019  
của Đoàn giám sát của HĐND tỉnh)

	2016		2017		2018	
	Điểm	Hạng	Điểm	Hạng	Điểm	Hạng
<b>PCI</b>	63,57	4	64,47	14	66,09	6
<b>PAPI</b>	32,59	63	33,49	62	43,5	39
<b>PAR index</b>	82,23	5	74,29	7	79	15
Mức độ UDCTTT, phát triển CPĐT		K xếp hạng		11		4
Chỉ số hạ tầng CNTT		1		5		16
Chỉ số ứng dụng CNTT		29		42		15
Chỉ số trang/cổng thông tin ĐT		44		1		5
Xếp hạng theo số lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4		32		46		11
Xếp hạng theo số lượng hồ sơ được giải quyết trực tuyến mức độ 3, mức độ 4		63		46		11
Cơ chế, chính sách và các quy định cho ứng dụng CNTT		42		18		1
Chỉ số nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT		18		7		1
Xếp hạng chung ICT Index		9		16		19
Hạ tầng kỹ thuật		6		6		6
Hạ tầng nhân lực		8		30		23
Ứng dụng công nghệ thông tin		18		12		36

### Phụ lục 3



linh vực được đề xuất đơn giản hóa thủ tục hành chính<sup>40</sup> kèm theo Báo cáo số 71/BC-ĐGS ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Đoàn giám sát của HĐND tỉnh)

STT	Sở ngành	Số TTHC được đề nghị đơn giản		
		2016	2017	2018
1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	8	3	1
2	Sở Khoa học và Công nghệ	4	6	3
3	Sở Tư pháp	2	1	1
4	Sở Công Thương	9	5	
5	Sở Y tế	0	0	1
6	Sở Tài nguyên và Môi trường	0	0	2
7	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0	1	1
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	0	8	1
9	Ban Quản lý các KCN	0	1	1
	<b>Tổng số</b>	<b>23</b>	<b>25</b>	<b>11</b>

<sup>40</sup> Theo Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 15/9/2016, 2450/QĐ-UBND ngày 25/9/2017, 1884/QĐ-UBND ngày 11/7/2018, 2409/QĐ-UBND ngày 27/8/2018.



## Phụ lục 4

### Tổng hợp các kiến nghị về cải cách hành chính

phần kèm theo Báo cáo số 71/BC-ĐGS ngày 22 tháng 7 năm 2019  
của Đoàn giám sát của HĐND tỉnh)

#### Đối với cơ quan Chính phủ, Bộ ngành Trung ương

Kiến nghị Chính phủ xem xét tính thống nhất giữa điều kiện hoạt động của cơ sở xã hội hoá (Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008) và điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hoá (Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008) để ban hành quy định mới rõ ràng nhằm bảo đảm thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích Xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường.

Đối với việc xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, kiến nghị cấp có thẩm quyền xây dựng, ban hành các chính sách, quy định cụ thể trong việc quy hoạch sử dụng đất đai cho mục đích xã hội hóa.

- Kiến nghị Trung ương sớm ban hành các quy định cụ thể, đồng bộ để địa phương triển khai thực hiện ứng dụng CNTT nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn như: Quy định về đầu tư ứng dụng CNTT theo Luật Đầu tư công (Nghị định thay thế Nghị định 102/2009/NĐ-CP); các quy định, hướng dẫn cụ thể về thuê dịch vụ CNTT, kinh phí bảo trì phần mềm, quy định pháp lý về hồ sơ nộp trực tuyến của các Bộ ngành; các tiêu chuẩn, quy chuẩn hướng dẫn chia sẻ dữ liệu, kết nối giữa các hệ thống thông tin.

- Kiến nghị Bộ, ngành liên quan sớm ban hành Thông tư thực hiện Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ, quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công (SNC) trong từng lĩnh vực cụ thể, làm cơ sở để các sở, ban ngành rà soát và tham mưu UBND tỉnh quy hoạch mạng lưới các đơn vị SNC trong từng lĩnh vực, danh mục dịch vụ SNC sử dụng Ngân sách nhà nước, định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong các lĩnh vực dịch vụ SNC, ban hành giá dịch vụ SNC theo quy định nhằm tạo điều kiện cho các đơn vị sự nghiệp thực hiện đúng lộ trình tính giá dịch vụ SNC.

- Kiến nghị Bộ Tài chính điều chỉnh một số định mức chi cụ thể như: thanh toán cước điện thoại cố định phù hợp với thực tiễn và đảm bảo được hoạt động; có văn bản hướng dẫn thực hiện cơ chế khoán chi riêng cho UBND cấp xã.

#### **2. Đối với UBND tỉnh**

- Quan tâm, đầu tư các điều kiện thiết yếu về cơ sở vật chất, trang thiết bị CNTT; hỗ trợ kinh phí để đảm bảo hoạt động ứng dụng CNTT trong CCHC. Bố trí kinh phí đầu tư cho các sở, ngành, huyện, thị triển khai Dự án CNTT.

- Chỉ đạo việc hướng dẫn các địa phương về công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn bố trí kinh phí thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Chính phủ điện tử; triển khai dịch vụ công mức độ 3.

- Chỉ đạo các ngành, địa phương đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan HCNN và quan tâm thực hiện giải quyết TTHC mức độ 3,4;

tổ chức triển khai hiệu quả khung kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh gắn với các hoạt động của Thành phố thông minh; hoàn thiện và triển khai các phần mềm một cửa điện tử, phần mềm đánh giá công chức bộ phận một cửa đến 100% cấp xã, tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa phần mềm một cửa điện tử của tỉnh với phần mềm chuyên ngành của một số Bộ, ngành Trung ương, từng bước đồng bộ cơ sở dữ liệu, giảm bớt các thao tác trung gian trong tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thông qua các phần mềm.

- Chỉ đạo các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị, thành phố đảm bảo thời gian trả lời các văn bản lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị chủ trương đầu tư.

- Chỉ đạo việc cập nhật kịp thời TTHC mới theo các quyết định công bố của UBND tỉnh cho phù hợp; giảm bớt thủ tục nhập số theo dõi (viết tay) đối với lĩnh vực chứng thực, tư pháp... vì đã nhập vào phần mềm một cửa điện tử.

- Giữ nguyên việc bố trí nhân sự như Đề án 1036 của tỉnh, trong đó cấp huyện chỉ thành lập một bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND quản lý để thuận lợi trong công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện.

-Kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức có đủ năng lực, đủ về số lượng, đảm bảo trình độ chuyên môn nhằm góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước.

- Theo Quyết định 68/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh, các TTHC của Sở NN PTNT do các đơn vị trực thuộc Sở thực hiện. Hiện nay, khối văn phòng Sở NN PTNT tại Trung tâm Hành chính tỉnh chỉ thực hiện 01 TTHC: “*Thủ tục xét duyệt các phương án vay vốn theo Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND, ngày 17/02/2016 của UBND tỉnh Bình Dương*”. Kiến nghị UBND tỉnh cho phép Sở NN PTNT không ban hành Đề án một cửa thực hiện tại Trung tâm Hành chính tỉnh. Đối với 01 TTHC nêu trên, Sở NN PTNT thực hiện tại Bộ phận một cửa của Sở tại Trung tâm Hành chính tỉnh.

### **3. Đối với các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã thành phố**

a) Đối với các sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố: Quan tâm chỉ đạo, triển khai ứng dụng CNTT phục vụ cho việc quản lý điều hành của các cơ quan, đơn vị. Bố trí cán bộ IT chuyên trách có năng lực, nhiệt tình để phối hợp triển khai các ứng dụng CNTT. Cử nhân sự phối hợp Sở TT-TT trong việc triển khai dịch vụ công mức độ 3,4 đặc biệt là khâu hướng dẫn, tuyên truyền đến người dân và doanh nghiệp để có hồ sơ phát sinh số lượng lớn.

b) Đối với Sở Thông tin - Truyền thông: Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền về việc ứng dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên địa bàn tỉnh và cách thức thanh toán trực tuyến đối với dịch vụ công trực tuyến; triển khai dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3, 4 cho địa phương để thực hiện đảm bảo yêu cầu; hướng dẫn cải tiến các ứng dụng công nghệ đơn giản, phổ thông, dễ dàng thực hiện để khuyến khích người dân sử dụng các hình thức thực hiện TTHC mức độ 3,4.

- Tổ chức rà soát, phối hợp, hỗ trợ khắc phục kịp thời những lỗi liên quan đến CNTT, các phần mềm đang được triển khai ứng dụng và lỗi hồ sơ trễ hẹn do không

phân quyền thụ lý hồ sơ. Khi triển khai các phần mềm phải có phương án dự phòng tránh ảnh hưởng đến các cơ quan khi sử dụng chung một hệ thống.

- Hỗ trợ địa phương xây dựng và nâng cấp đường truyền công nghệ thông tin hiện đại phục vụ triển khai mô hình một cửa hiện đại từ cấp huyện, cấp xã.

- Xem xét triển khai thực hiện đối với các xã phường, thị trấn chưa có phần mềm một cửa điện tử tại Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả, phần mềm bốc số tự động và các ứng dụng tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa. Xây dựng và triển khai phần mềm ứng dụng hỗ trợ quản lý hành chính, CCHC; trang bị máy móc cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hiện đại hơn.

- Phối hợp Trung tâm HCC nghiên cứu, tích hợp phần mềm quản lý giấy phép lái xe, phần mềm cấp, đổi phù hiệu, giấy phép kinh doanh vận tải vào phần mềm một cửa điện tử cấp tỉnh để thuận tiện trong quá trình công khai các quy trình giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của Sở Giao thông vận tải.

c) Đối với Sở KH-CN: Đề nghị sớm hướng dẫn triển khai áp dụng hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO TCVN 9001:2015 và triển khai xây dựng ISO điện tử để áp dụng cho các sở, ngành. Tăng cường công tác tập huấn, đào tạo và đào tạo chuyên sâu về ISO cho cán bộ, công chức làm công tác CCHC. Đồng thời, có đánh giá sơ kết định kỳ 6 tháng và tổng kết năm.

- Đề nghị thành lập 01 Tổ định kỳ đánh giá, giám sát và kiểm tra các địa phương trong quá trình duy trì hệ thống QLCL. Đồng thời, hướng dẫn cụ thể việc duy trì hệ thống QLCL cho các địa phương khi không thuê tổ chức đánh giá.

d) Đối với Sở Nội vụ: Quy định chế độ báo cáo giữa lĩnh vực CCHC và lĩnh vực kiểm soát TTHC cho đồng bộ, để thuận lợi hơn trong công tác tổng hợp báo cáo.

- Tổ chức tham quan, học tập các mô hình, sáng kiến hay về công tác CCHC của các địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức các lớp tập huấn công tác rà soát, đánh giá thủ tục hành chính thường xuyên cho cán bộ, công chức phụ trách công tác CCHC.

- Nghiên cứu tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc vào buổi tối sau giờ làm việc để một số công chức (đặc biệt công chức trực tại bộ phận một cửa) có thể tham dự các lớp tập huấn.

- Dự thảo kết quả chỉ số CCHC cần được lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị và địa phương trước khi công bố.

đ) Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo: Đề nghị có hướng dẫn cụ thể về việc thực hiện thí điểm mô hình chuyên loại hình giáo dục từ một cấp sang nhiều cấp học và chuyển từ công lập sang tư thục.

e) Đối với Trung tâm HCC: Xây dựng phần mềm đánh giá cán bộ tại Bộ phận một cửa; chỉnh sửa phần mềm hoàn chỉnh để địa phương sử dụng thuận lợi, thực chất, hiệu quả làm căn cứ đánh giá, xếp loại đối với số cán bộ này.

- Điều chỉnh phần mềm một cửa của Thuận An giảm bớt thao tác, giảm bớt user tác nghiệp để thuận tiện hơn trong quá trình thực hiện./.